

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai trên cơ sở hợp nhất Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định và Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai (cũ);

Theo Đề án 01/ĐA-UBND ngày 16/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai trên cơ sở hợp nhất Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Định và Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai (cũ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 468/TTr-SNNMT ngày 10/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV, Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Gia Lai, Trưởng

Thuế tỉnh Gia Lai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo PTDS quốc gia;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, N6.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đương Mah Tiệp

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động; nguồn tài chính, nội dung chi, đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp; quy trình điều tiết, công khai thông tin và thanh quyết toán của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Tên gọi, vị trí pháp lý, trụ sở làm việc

- Tên gọi: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai.
- Tên giao dịch quốc tế: Gialai Disaster Prevention Fund (viết tắt là GialaiDPF);
- Vị trí pháp lý: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia lai (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định pháp luật.
- Trụ sở làm việc: Số 15 Lý Thái Tổ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

- Không vì mục đích lợi nhuận.
- Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch.
- Hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Lập, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thông báo Kế hoạch thu Quỹ hàng năm đối với từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ theo quy định của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai và Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

3. Tiếp nhận, quản lý các nguồn tài chính hợp pháp như: Đóng góp bắt buộc của tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước trên địa bàn tỉnh; đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; thu của người lao động trong độ tuổi lao động theo quy định.

4. Tham mưu việc sử dụng kinh phí từ Quỹ để thực hiện các nội dung chi như: Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai (hỗ trợ ứng phó thiên tai; cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa); phân bổ cho các địa phương để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cấp xã; chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

6. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thu nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ.

7. Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ, báo cáo tình hình thực hiện Quỹ theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật liên quan.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định hiện hành.

Chương II **BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

Điều 6. Cơ quan quản lý Quỹ

1. Cơ quan quản lý Quỹ gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, công chức, viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, biệt phái và hợp đồng lao động, cụ thể:

a) Giám đốc Quỹ là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Phó Giám đốc Quỹ là Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

c) Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật;

d) Các thành viên bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ Quỹ là công chức, viên chức kiêm nhiệm, biệt phái thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và lao động hợp đồng (nếu có) do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật;

2. Chế độ làm việc của Cơ quan quản lý Quỹ: Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Quy chế này và các văn bản có liên quan.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý Quỹ

a) Vận động, tiếp nhận, quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp từ thiện, ủy thác của tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Quản lý, tổng hợp kế hoạch thu, nộp Quỹ hàng năm của các đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

c) Xuất Quỹ sau khi có quyết định phê duyệt mức chi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng xã, phường.

e) Có trách nhiệm và quyền hạn về công tác báo cáo thống kê; báo cáo quyết toán thu chi Quỹ theo quy định của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và của pháp luật hiện hành.

g) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

h) Thực hiện báo cáo định kỳ kết quả thu chi hàng tháng cho Cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

i) Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

k) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan quản lý Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, là chủ tài khoản của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

b) Tổ chức điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

c) Báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan có liên quan theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh, bổ sung quy chế tổ chức hoạt động của Quỹ.

e) Được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động Quỹ.

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ: Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành một số lĩnh vực công tác theo phân công của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Quỹ vắng mặt, Phó Giám đốc Quỹ được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Quỹ.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng Quỹ: Kế toán trưởng Quỹ giúp Giám đốc Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật; tham mưu, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính Quỹ. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ phận chuyên môn, giúp việc của Quỹ: Do Giám đốc Quỹ quyết định, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Quỹ thực hiện các hoạt động của Quỹ theo quy định.

8. Ban giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và bộ phận chuyên môn, giúp việc được hưởng tiền lương, phụ cấp, thù lao và các chế độ chính sách khác theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ trong phạm vi nguồn kinh phí hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Cơ quan Quản lý Quỹ sau khi có ý kiến của Sở Tài chính và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Chương III **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ**

Điều 7. Nguồn tài chính; đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp và thẩm quyền quyết định

1. Nguồn tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và khoản 6 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, khoản 7 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và khoản 7 Điều 19 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý thu và kế hoạch thu nộp quỹ

1. Quản lý thu Quỹ

a) Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài có trách nhiệm cung cấp đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp quỹ của các cá nhân do mình quản lý; thu Quỹ theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và nộp Quỹ bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tại Kho bạc Nhà nước khu vực *(nếu tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Thuế tỉnh)*, hoặc chuyển vào tài khoản ở cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền *(nếu tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của các Thuế cơ sở tỉnh)*.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tại Kho bạc Nhà nước khu vực *(nếu cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý)*, hoặc chuyển vào tài khoản ở cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền *(nếu cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh đóng trên địa bàn xã và đơn vị thuộc cấp xã quản lý)*.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và chuyển vào tài khoản ở cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Ủy ban nhân dân cấp xã khi thu các đối tượng lao động khác trên địa bàn phải sử dụng chứng từ kế toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thời hạn lập và phê duyệt kế hoạch thu

a) Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Thuế tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; lực lượng vũ trang cấp tỉnh; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh lập kế hoạch thu quỹ gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 10 tháng 4 hàng năm.

b) Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Thuế cơ sở tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; lực lượng vũ trang; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn xã và đơn vị thuộc cấp xã quản lý lập kế hoạch thu quỹ gửi Ủy ban nhân

dân cấp xã trước ngày 10 tháng 4 hàng năm. Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tổng hợp kế hoạch thu gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

c) Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp công tác xây dựng kế hoạch thu quỹ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

d) Căn cứ kế hoạch thu quỹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Cơ quan quản lý Quỹ thông báo đến các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài; cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; lực lượng vũ trang; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện.

3. Thời hạn nộp quỹ

a) Đối với cá nhân nộp một lần trước 31 tháng 7 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 31 tháng 7 hàng năm, số còn lại nộp trước 30 tháng 11 hàng năm.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã: Định kỳ cuối mỗi tháng, tổng hợp, nộp số tiền thu quỹ trên địa bàn về tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tại Kho bạc Nhà nước khu vực sau khi trừ số được giữ lại tại cấp xã theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Quy chế này.

c) Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm đôn đốc thu Quỹ; tổng hợp số tiền phải đóng góp Quỹ, số tiền đã nộp Quỹ của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước lập báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo từng năm.

d) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh kéo dài và ảnh hưởng phạm vi lớn, Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh thời hạn nộp hoặc quyết định miễn, giảm đóng góp Quỹ cho phù hợp.

e) Những tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải thu nhưng không nộp theo quy định hoặc nộp chậm theo mốc thời gian, nộp không đúng tỷ lệ quy định sẽ bị các cơ quan chức năng xử phạt theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

4. Trách nhiệm các cơ quan liên quan

a) Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo các Thuế cơ sở tỉnh cấp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh; thông tin tại các điểm i, k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu.

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin về số công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu tại các cấp.

c) Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về hướng dẫn lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu và tổ chức thu cho các đối tượng có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Nội dung chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định về nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành, ưu tiên các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ tại cấp xã.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ.

4. Điều chuyển cho Quỹ Trung ương hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác.

5. Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành quy định cụ thể về nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điều này.

Điều 10. Phân bổ Quỹ

Căn cứ nội dung chi tại khoản 1, Điều 9 Quy chế này và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tại Kho bạc Nhà nước khu vực. Đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã phải bằng số tiền của cấp xã (trừ các xã nêu trên) được phân bổ thấp nhất.

2. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ không vượt quá 3% tổng số thu Quỹ cấp tỉnh.

3. Sau khi báo cáo quyết toán kinh phí được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chỉ hỗ trợ cho cấp xã khi cấp xã đã sử dụng hết nguồn kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai và phần đã giữ lại tại địa phương mình.

Điều 11. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, được hỗ trợ kinh phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định; đồng thời gửi báo cáo quyết toán về Cơ quan Quản lý Quỹ để tổng hợp, theo dõi.

2. Cơ quan quản lý Quỹ chịu trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

3. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo kết quả thu, chi quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: hàng năm, phải lập báo cáo quyết toán thu, chi quỹ trên địa bàn; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính; quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo về Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 15 tháng 01 năm sau. Xây dựng kế hoạch tài chính năm sau gửi về Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 30 tháng 7 hằng năm.

5. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và quản lý tài sản theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ; chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ

Thực hiện theo Điều 19, Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Điều tiết Quỹ

Việc điều tiết Quỹ cấp tỉnh về Quỹ trung ương; Quỹ trung ương về Quỹ cấp tỉnh và điều chuyển giữa các Quỹ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Kiểm tra tình hình thực hiện thu, chi, quản lý Quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

b) Cân đối trong tổng số biên chế và số người làm việc được giao, bố trí người làm việc kiêm nhiệm tại các bộ phận của cơ quan quản lý Quỹ.

c) Bố trí nơi làm việc, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện làm việc cần thiết khác để Quỹ hoạt động hiệu quả.

d) Chỉ đạo Cơ quan quản lý Quỹ triển khai thực hiện hiệu quả công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định nội dung, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng Quỹ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xác nhận thiệt hại do thiên tai gây ra của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn quy định tại điểm k khoản 1 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

b) Tổng hợp danh sách các đối tượng được quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

c) Xây dựng kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai ở địa phương theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

d) Đề xuất nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

e) Chuyển nộp vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh số tiền tối thiểu 72% số thu quỹ trên địa bàn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

g) Thực hiện công khai kết quả thu nộp, danh sách tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đã đóng quỹ trên địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

h) Mở tài khoản để thu Quỹ theo quyết định ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện thu, nộp, chi Quỹ theo quy định tại Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ; thực hiện chế độ báo cáo, công tác quyết toán thu, chi Quỹ hàng năm theo quy định hiện hành.

i) Chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và Quy chế này.

k) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định miễn đóng góp đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

4. Thuế tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch thu Quỹ tại các cấp theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

5. Bảo hiểm Xã hội tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch thu Quỹ tại các cấp theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

6. Kho bạc Nhà nước khu vực có trách nhiệm phối hợp thu Quỹ và thực hiện thanh toán, kiểm soát chi sử dụng Quỹ theo quy định hiện hành của nhà nước.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ đạo các Công đoàn cơ sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và Quy chế này tới các Đoàn viên Công đoàn.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Giao Cơ quan quản lý Quỹ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Quy chế này. Định kỳ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tổng hợp, báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.
